

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 64/2001/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2001

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý phần vốn nhà nước ở doanh nghiệp khác

Thi hành Nghị định số 73/2000/NĐ-CP ngày 6/12/2000 của Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý phần vốn nhà nước ở doanh nghiệp khác, Bộ Tài chính hướng dẫn một số điểm thực hiện Quy chế quản lý phần vốn nhà nước ở doanh nghiệp khác như sau:

I- Vốn của Nhà nước ở doanh nghiệp khác bao gồm:

Các khoản vốn được quy định tại Điều 3 Quy chế quản lý phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác ban hành kèm theo Nghị định số 73/2000/NĐ-CP ngày 6/12/2000 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quy chế kèm theo Nghị định số 73/2000/NĐ-CP);

Khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm do chính sách ưu đãi đầu tư của Nhà nước được để lại tăng phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp;

Khoản 30% giá trị vốn cổ phần mà người lao động nộp lại khi chuyển nhượng cổ phần trong doanh nghiệp được giao cho tập thể người lao động theo quy định tại điểm 5 Điều 10 Chương II Nghị định số 103/1999/NĐ-CP ngày 10/9/1999 của Chính phủ về giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp nhà nước;

Các khoản đầu tư bổ sung khác của Nhà nước vào doanh nghiệp.

II - Quyền và nghĩa vụ của người đại diện và người trực tiếp quản lý phần vốn nhà nước ở doanh nghiệp khác

Nhà nước thực hiện việc quản lý phần vốn nhà nước ở doanh nghiệp khác thông qua người đại diện và người trực tiếp quản lý:

1- Đối với người đại diện phần vốn nhà nước: Quyền và nghĩa vụ người đại diện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Quy chế quản lý phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác ban hành kèm theo Nghị định số 73/2000/NĐ-CP ngày 6/12/2000 của Chính phủ.

2- Đối với người trực tiếp quản lý phần vốn nhà nước:

2.1 Người đại diện cử người trực tiếp quản lý phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác trong các trường hợp sau:

a - Nhà nước đầu tư góp vốn, tài sản, tiền thuê đất hoặc giá trị quyền sử dụng đất tại các doanh nghiệp liên doanh (trong và ngoài nước) và các công ty trách nhiệm hữu hạn.

b - Nhà nước giữ cổ phần chi phối tại công ty cổ phần (cụ thể cổ phần của Nhà nước chiếm trên 50% tổng số cổ phần của doanh nghiệp hoặc cổ phần của Nhà nước bằng hoặc lớn hơn 2 lần cổ phần của cổ đông lớn nhất trong doanh nghiệp).

Trường hợp số vốn nhà nước tham gia tại công ty cổ phần không đạt tỷ lệ khống chế trên, nhưng mức vốn đầu tư vào công ty lớn, nếu xét thấy cần thiết cho yêu cầu quản lý, giám sát thì người đại diện xem xét quyết định cử người trực tiếp quản lý. Các trường hợp còn lại, tuy không cử người trực tiếp quản lý nhưng người đại diện phải tổ chức công việc để đảm bảo theo dõi được số vốn Nhà nước đã đầu tư và số lợi tức được chia từ phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp này và phân công người thực hiện các quyền của cổ đông theo Điều lệ doanh nghiệp.

2.2 Đối với trường hợp người đại diện phần vốn nhà nước là Bộ Tài chính theo quy định tại điểm 1 Điều 6 Quy chế kèm theo Nghị định số 73/2000/NĐ-CP thì Bộ Tài chính uỷ quyền cho Thủ trưởng Bộ, ngành kinh tế kỹ thuật hoặc cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp cử người trực tiếp quản lý; sau khi có văn bản thống nhất ý kiến của Bộ Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan trên quyết định cử người trực tiếp quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp khác.

2.3 Căn cứ vào quy mô vốn đầu tư, yêu cầu quản lý, giám sát và điều lệ doanh nghiệp, người đại diện có thể cử từ 1 đến 2 người trực tiếp quản lý phần vốn nhà nước trong 1 doanh nghiệp khác, quyết định chế độ làm việc và quy định trách nhiệm của người trực tiếp quản lý. Trường hợp cử 2 người thì người trực tiếp quản lý phải phân công người chịu trách nhiệm chính.

Người đã được cử trực tiếp quản lý chuyên trách ở một doanh nghiệp thì không cử trực tiếp quản lý kiêm nhiệm ở doanh nghiệp khác.

Người trực tiếp quản lý được chọn từ các cơ quan quản lý ngành kinh tế kỹ thuật (Bộ, Sở quản lý ngành); cơ quan quản lý tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính - Vật giá); cơ quan cấp trên doanh nghiệp (Tổng công ty, công ty) hoặc ở chính doanh nghiệp có vốn góp vào doanh nghiệp khác. Người trực tiếp quản lý tham gia vào ban kiểm soát doanh nghiệp phải có trình độ chuyên môn về quản lý tài chính doanh nghiệp. Các trường hợp cử người đại diện từ doanh nghiệp làm người trực tiếp quản lý tại doanh nghiệp khác phải tuân thủ khoản 1 Điều 50 Luật phá sản doanh nghiệp.

2.4 Tiêu chuẩn của người trực tiếp quản lý thực hiện theo Điều 11 Quy chế kèm theo Nghị định số 73/2000/NĐ-CP. Người trực tiếp quản lý không được góp vốn, cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua bán với

doanh nghiệp có vốn nhà nước mà người đó được cử trực tiếp quản lý (trừ các đối tượng được mua cổ phần lần đầu trong doanh nghiệp nhà nước cổ phần hoá theo quy định tại Quyết định số 202/HĐBT ngày 8/6/1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nay là Thủ tướng về thí điểm chuyển một số doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần, Nghị định số 28/CP ngày 7/5/1996 của Chính phủ về chuyển một số doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần; Nghị định số 44/1998/NĐ-CP ngày 29/6/1998 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần).

III - Chế độ và chỉ tiêu báo cáo:

1- Đối với người trực tiếp quản lý

1.1 Trên cơ sở báo cáo tài chính và các báo cáo khác của doanh nghiệp, người trực tiếp quản lý có trách nhiệm lập hồ sơ doanh nghiệp (biểu số 1 kèm theo Thông tư này) để theo dõi và thực hiện các nhiệm vụ quản lý theo quy định.

Người trực tiếp quản lý phải lập báo cáo một số chỉ tiêu tài chính: biểu số 2 (đối với báo cáo quý, năm) kèm theo Thông tư này, bao gồm cả phần phân tích, đánh giá tình hình quản lý và sử dụng vốn tại doanh nghiệp, khả năng thanh toán, kết quả kinh doanh, việc phân chia lợi tức. Kiến nghị đề xuất biện pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc nhằm phát huy có hiệu quả vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác.

1.2 Nơi nhận báo cáo và thời hạn báo cáo:

Hàng quý (chậm nhất là ngày 30 tháng đầu tiên của quý sau), hàng năm (chậm nhất là ngày 30/4 của năm sau), người trực tiếp quản lý có trách nhiệm gửi báo cáo với đầy đủ nội dung trên cho người đại diện. Trường hợp người trực tiếp quản lý được cử theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy chế kèm theo Nghị định số 73/2000/NĐ-CP thì gửi cho Bộ Tài chính, đồng thời gửi 1 bản cho Bộ, ngành kinh tế kỹ thuật là cơ quan ra quyết định cử người trực tiếp quản lý phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác.

1.3 Ngoài các báo cáo theo định kỳ nêu trên, người trực tiếp quản lý phải báo cáo đột xuất cho người đại diện về tình hình doanh nghiệp trong các trường hợp sau:

Người đại diện yêu cầu;

Những vấn đề lớn phát sinh ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cần có ý kiến chỉ đạo của người đại diện.

1.4 Các trường hợp không cử người trực tiếp quản lý, người đại diện phải phân công người theo dõi và báo cáo theo các nội dung trên.

2- Đối với người đại diện:

Trên cơ sở báo cáo tài chính của các doanh nghiệp khác và các báo cáo định kỳ của người trực tiếp quản lý, người đại diện có trách nhiệm:

Thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Mục II Quy chế kèm theo Nghị định số 73/2000/NĐ-CP;

Định kỳ sáu tháng và hàng năm, tổng hợp các chỉ tiêu báo cáo của người trực tiếp quản lý (biểu số 2) theo từng loại hình doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước: doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, công ty cổ phần, công ty TNHH... Phân tích, lập báo cáo về tình hình tài chính doanh nghiệp theo đúng nội dung quy định tại điểm 2 Điều 8 Quy chế kèm theo Nghị định số 73/2000/NĐ-CP;

Báo cáo của người đại diện được gửi cho Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp) chậm nhất là ngày 31/7 đối với báo cáo 6 tháng, ngày 31/5 năm sau đối với báo cáo năm. Đối với người đại diện quy định tại khoản 3 Điều 6 Quy chế kèm theo Nghị định số 73/2000/NĐ-CP thì đồng thời phải gửi cho cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp nhà nước có vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác.

Ngoài báo cáo trên, người đại diện còn phải thực hiện báo cáo đột xuất khác theo đề nghị của Bộ Tài chính để đáp ứng yêu cầu quản lý tài chính nhà nước.

IV- Xử lý phần lợi tức được chia và phần vốn thu hồi từ các doanh nghiệp khác.

Việc xử lý phần lợi tức được chia, việc thu hồi vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác được thực hiện như sau:

1- Trường hợp Bộ Tài chính hoặc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là người đại diện:

Doanh nghiệp khác có trách nhiệm nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước Trung ương hoặc địa phương theo quy định tại Quyết định số 177/1999/QĐ-TTg ngày 30/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 95/2000/QĐ-BTC ngày 9/6/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính các khoản dưới đây:

1.1 Phần lợi tức được chia từ doanh nghiệp khác;

1.2 Phần vốn thu hồi khi quyết định giảm bớt phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp khác, hoặc khi doanh nghiệp bị giải thể, phá sản;

1.3 Thu hồi số tiền cho người lao động vay để mua cổ phần khi cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước;

1.4 Thu hồi giá trị cổ phần chia cho người lao động trong doanh nghiệp để hưởng cổ tức, cổ phần bán chịu cho người lao động nghèo trong doanh nghiệp.

Người trực tiếp quản lý phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác có trách nhiệm đôn đốc doanh nghiệp nộp kịp thời các khoản trên.

Trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp khác có vốn Nhà nước và người trực tiếp quản lý phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp đó, việc dùng lợi tức được chia để tăng phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp khác do Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định sau khi có ý kiến của Thủ trưởng cơ quan quản lý ngành kinh tế kỹ thuật (trường hợp Bộ Tài chính là người đại diện) hoặc do Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét quyết định (trường hợp UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là người đại diện).

2 - Trường hợp Hội đồng quản trị (đối với doanh nghiệp nhà nước có Hội đồng quản trị) hoặc Giám đốc doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhà nước độc lập không có Hội đồng quản trị (gọi chung là doanh nghiệp

nhà nước) là người đại diện:

Doanh nghiệp khác có trách nhiệm nộp về doanh nghiệp nhà nước (là người đại diện có vốn góp vào doanh nghiệp khác) các khoản dưới đây:

2.1 Phần lợi tức được chia từ doanh nghiệp khác;

2.2 Chênh lệch do nhượng bán hoặc thu hồi phần vốn nhà nước (khi quyết định nhượng bán hoặc giảm bớt phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác).

2.3 Phần vốn thu hồi khi quyết định giảm bớt phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác, hoặc khi doanh nghiệp bị giải thể phá sản.

2.4 Thu hồi số tiền cho người lao động vay để mua cổ phần khi cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước.

2.5 Thu hồi giá trị cổ phần chia cho người lao động trong doanh nghiệp để hưởng cổ tức, cổ phần bán chịu cho người lao động nghèo trong doanh nghiệp.

Các khoản lợi tức được chia; chênh lệch giá nhượng bán, thu hồi vốn quy định tại điểm 2.1, điểm 2.2 phần này (sau khi trừ các chi phí nhượng bán) doanh nghiệp nhà nước được hạch toán vào kết quả kinh doanh.

Trong các trường hợp thu hồi vốn quy định tại điểm 2.3, điểm 2.4 và điểm 2.5 phần này khoản chênh lệch giảm so với vốn đầu tư ban đầu, doanh nghiệp nhà nước phải hạch toán vào kết quả kinh doanh.

Người trực tiếp quản lý phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác có trách nhiệm đôn đốc doanh nghiệp nộp kịp thời các khoản trên.

Việc dùng lợi tức được chia để tăng phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị (đối với doanh nghiệp nhà nước có Hội đồng quản trị), hoặc Giám đốc doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp nhà nước không có Hội đồng quản trị) quyết định sau khi có ý kiến của cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp.

V- Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định số 73/2000/NĐ-CP ngày 6/12/2000 của Chính phủ có hiệu lực thi hành. Các quy định trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết.

Biểu số 1

Hồ sơ doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp

2. Giấy đăng ký kinh doanh số... Ngày...

3. Ngành nghề kinh doanh:

4. Địa chỉ, điện thoại, FAX

5. Vốn điều lệ:

Trong đó: Vốn Nhà nước